

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 284/2023/DS-PT

Ngày 27/6/2023

"V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất, thừa kế
tài sản, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
của người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chế Linh

Các Thẩm phán: Ông Võ Bảo Anh

Bà Hà Thị Phương Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thừa kế tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 144/2022/DSST ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 253/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1979. Địa chỉ: số 2/14 khu phố M, phường 4, thị xã C, tỉnh tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh H.; cư trú tại: 209 ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền ngày 13/11/2019).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1956. Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1994; cư trú tại: ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2020).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng TMCP Đ. Địa chỉ: số 22 N, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ: Ông Huỳnh Cảnh K, sinh năm 1988. Địa chỉ: 14C đường 30/4, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

3.2. Chị Nguyễn Thị Châu M, sinh năm 2002. Địa chỉ: ấp 5, xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị Châu M: Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1983. Địa chỉ: 29H13/4 Khu vực B, Nguyễn Văn L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 07/7/2022).

3.3. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, TP. Cần Thơ.

3.4. Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ P. Địa chỉ: Tầng 25 Trung tâm thương mại S số 37 T, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* 1. Ngân hàng TMCP Đ.

2. Chị Nguyễn Thị Châu M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc M (có người đại diện theo ủy quyền) trình bày:*

Vào năm 2016, bà M nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn H, thửa đất số 165, tờ bản đồ số 7, diện tích 280m², loại đất ở tại nông thôn, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX918166, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH02004 do UBND huyện T cấp ngày 7/4/2015, do ông Nguyễn Văn H đứng tên, chỉnh lý sang tên cho bà M ngày 29/02/2016. Bà M đã nhận đất và đã sử dụng một thời gian, sau đó cho ông H mượn tạm lại để sử dụng và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc cho mượn này được thực hiện bằng lời nói, không lập văn bản với mục đích để ông H giải quyết tranh chấp đất đai với những người sử dụng đất giáp ranh, bà M tin tưởng ông H vì ông H là dựng rể của bà M. Lúc đó bà M chưa sang tên, tách thửa theo quy định. Ngày 24/7/2019 ông H chết, bà M phát hiện ông H đã làm giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất giả mạo chữ ký của bà M chuyển nhượng ngược lại cho ông H và ông H đã thế chấp quyền sử dụng đất này cho Ngân hàng TMCP Đ vay số tiền 350.000.000 đồng.

Nay bà M yêu cầu: Huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/3/2018 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ giữa bà M và ông H. Huỷ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông H và Ngân hàng TMCP Đ.

**Theo tự khai và ý kiến tại Tòa án sơ thẩm, bị đơn là bà Phạm Thị H (có người đại diện ủy quyền là ông Nguyễn Quốc T, con bà Phạm Thị H) trình bày:*

Bà H có tất cả 02 người con gồm Nguyễn Quốc T và Nguyễn Văn H, ông Thái không biết cha ông là ai, không rõ họ tên, cũng không biết địa chỉ và còn sống hay đã chết nên không thể cung cấp cho Tòa án. Nguồn gốc đất tranh chấp của mẹ ông tặng cho ông H năm 2015, thời điểm này ông H đã ly hôn vợ là bà Châu Thị Thu Đoan, ông H với bà Đoan có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Châu M. Lúc ông H chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà M thì gia đình biết, sau đó ông H mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà M để giải quyết tranh chấp đất đai, đến lúc ông H chết thì gia đình mới biết việc ông H giả mạo chữ ký của bà M và thế chấp đất của bà M. Ngoài số tiền bảo hiểm nhân thọ do công ty bảo hiểm đang quản lý thì ông H không còn di sản nào khác. Nay qua yêu cầu của nguyên đơn, bà H đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý cầm trả số tiền bảo hiểm nhân thọ 208.426.200đồng của ông H cho phía Ngân hàng TMCP Đ.

**Theo tự khai và ý kiến, Ngân hàng TMCP Đ (gọi tắt là Ngân hàng) (có người đại diện ủy quyền) trình bày:*

Vào ngày 13/9/2018, ông Nguyễn Văn H đã ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng 350.000.000 đồng, mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất thỏa thuận 11,8%/01 năm, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn, giải ngân ngày 14/6/2019. Để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng trên, ông H đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất thửa 165, tờ bản đồ số 7, ấp Đ, xã Đ, huyện T, TP. Cần Thơ. Đất có diện tích là 280m², loại đất ở tại nông thôn. Sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: BX 918166, cấp ngày 07/4/2015, do ông H chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị Mầu ngày 29/02/2016 và ngày 17/4/2018 đã chuyển nhượng lại cho ông H. Nay Ngân hàng yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H gồm: bà Phạm Thị H (mẹ của ông H) và cháu Nguyễn Thị Châu M (con gái ông H) chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng 350.000.000đ nợ gốc, lãi trong hạn từ ngày 14/6/2019 đến ngày ông H chết 24/7/2019: 4.752.329đồng, lãi trong hạn còn lại: 27.631.000đồng, lãi quá hạn là 167.912.583đồng và tiền phạt chậm trả là 7.481.118đồng, tổng số tiền 550.295.912đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt nợ gốc. Ngân hàng yêu cầu nhận trước số tiền bảo hiểm của công ty TNHH Prudential 208.426.200đồng, ưu tiên thu nợ gốc. Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nếu bà H và Châu Mỹ không trả được nợ thì đề nghị kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

**Theo tự khai và ý kiến tại Tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Châu M (có người đại diện ủy quyền) trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp của bà H tặng cho ông H. Ông H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thủ tục, trình tự như thế nào thì chị Châu Mỹ không biết. Nay chị Mỹ yêu cầu độc lập không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M. Đồng ý trả 20.000.000 đồng (theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 31/3/2018) có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố

Cần Thơ. Yêu cầu huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M và ông H ngày 27/01/2015 giá tiền chuyển nhượng 50.000.000 đồng. Riêng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M và ông H ngày 31/3/2018 thì thống nhất giữ nguyên. Không đồng ý với yêu cầu độc lập của Ngân hàng. Ông H tự thực hiện giao dịch dân sự với Công ty TNHH bảo hiểm Prudential, không liên quan đến Ngân hàng. Không đồng ý cho Ngân hàng nhận số tiền bảo hiểm 208.426.200đồng, số tiền này để cho chị Mỹ được hưởng 50% để đi học. Chị Châu Mỹ đồng ý để cho Ngân hàng kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của ông H đã thế chấp cho Ngân hàng vì không có khả năng chi trả số tiền mà Ngân hàng yêu cầu. Yêu cầu Toà án triệu tập bà Nguyễn Thị E và ông Nguyễn Thanh Bình là Công chức của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ vì cả hai người này ký tên xác nhận vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2015 và năm 2018 giữa ông H và bà M.

**Theo Công văn số 129 ngày 21/7/2020 và Công văn số 284 ngày 04/12/2019 của Ủy ban nhân dân xã Đ trình bày:*

Vào ngày 31/8/2018, Ủy ban nhân dân xã Đ có ký chứng thực hợp đồng chuyển nhượng số 106 giữa bà Nguyễn Ngọc M và ông Nguyễn Văn H thửa đất số 165, tờ bản đồ số 07, diện tích 280m², loại đất ONT, giấy CNQSDĐ số CH02004, số phát hành BX918166 do UBND huyện T cấp ngày 07/4/2015 tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ. Tại thời điểm ký hợp đồng, ông H có bổ sung các giấy CMND, hộ khẩu của bà M và giấy CNQSDĐ số CH02004 bản gốc và ký hồ sơ tại nhà rồi mang lên UBND xã chứng thực, thấy hồ sơ đã đủ thủ tục nên UBND xã không yêu cầu ông H, bà M có mặt tại UBND xã để xác định. UBND xã Đ đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

**Theo Công văn số 38110 ngày 11/10/2020 Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ P (gọi tắt là công ty bảo hiểm) trình bày:*

Ông Nguyễn Văn H có tham gia bảo hiểm nhân thọ với phía công ty bảo hiểm vào ngày 17/9/2018 theo Hợp đồng bảo hiểm số 74245199. Công ty bảo hiểm đã nhận được yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm từ anh Nguyễn Quốc T là em trai của ông Nguyễn Văn H vì lý do người được bảo hiểm ông Nguyễn Văn H đã qua đời vào ngày 24/7/2019. Sau khi tiếp nhận, công ty bảo hiểm đã thẩm định, chấp thuận chi trả quyền lợi bảo hiểm tử vong của hợp đồng và hướng dẫn bổ sung các văn bản, giấy tờ thỏa thuận thừa kế theo nội dung thư báo đề ngày 24/9/2019 gửi đến người thân của bên mua bảo hiểm. Tuy nhiên từ ngày 24/9/2019 đến nay, công ty bảo hiểm chưa tiếp nhận các chứng từ liên quan đến việc thanh toán quyền lợi bảo hiểm của hợp đồng này, nên các khoản chi trả cho hợp đồng vẫn chưa được thực hiện với chi tiết như sau: mệnh giá bảo hiểm 103.000.000đồng, quyền lợi tử vong được chấp thuận chi trả 208.426.200đồng, bảo tức đặc biệt 416.300, tổng quyền lợi bảo hiểm được nhận 208.842.500đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 144/2022/DSST ngày 26 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc M.

1.1. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/3/2018 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ chứng thực tại thửa 165, tờ bản đồ số 07, tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện T (theo Bảng trích đo địa chính số 36392022 ngày 22/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T).

1.2. Hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 442/2018/HĐBĐ/PVB-PGDTLI ngày 14/9/2018 giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Nguyễn Văn H đối với thửa 165, diện tích 280m², loại đất ONT, tờ bản đồ số 07, tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ. Buộc Ngân hàng TMCP Đ thực hiện thủ tục xóa đăng ký thế chấp thửa 165, diện tích 280m², loại đất ONT, tờ bản đồ số 07, tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02004, số phát hành BX918166 do UBND huyện T cấp ngày 07/4/2015 bản chính cho bà Nguyễn Ngọc M.

1.3. Hủy xác nhận “Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1974, CMND số: 361653268, địa chỉ thường trú: ấp Đ, xã Đ, huyện T, TP Cần Thơ; theo hồ sơ số 00136.CN.002” ngày 17/4/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T tại trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02004, số phát hành BX918166 do UBND huyện T cấp ngày 07/4/2015 tại thửa 165, diện tích 280m², loại đất ONT, tờ bản đồ số 07, tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Đ. Buộc Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ P chi trả quyền lợi bảo hiểm của ông Nguyễn Văn H (theo Hợp đồng bảo hiểm số 74245199 ngày 17/9/2018) với số tiền 208.842.500 đồng (hai trăm lẻ tám triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng) cho bên nhận là Ngân hàng TMCP Đ để thực hiện nghĩa vụ tài sản ông Nguyễn Văn H để lại theo Hợp đồng tín dụng số 442/2018/HĐHM/PVB-PGDTLI ngày 13/9/2018.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Châu M.

4. Về chi phí tố tụng 9.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP Đ, bà Phạm Thị H và chị Nguyễn Thị Châu M mỗi bên phải chịu 3.000.000 đồng, do bà Nguyễn Ngọc M đã đóng tạm ứng nên Ngân hàng TMCP Đ, bà Phạm Thị H và chị Nguyễn Thị Châu M mỗi người phải có nghĩa vụ hoàn trả 3.000.000 đồng cho bà Nguyễn Ngọc M.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị H được miễn nộp. Ngân hàng TMCP Đ phải chịu 10.151.235 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.650.000 đồng theo Biên lai thu số 015648 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành án phí, Ngân hàng TMCP Đ phải nộp thêm 501.235 đồng. Chị Nguyễn Thị Châu M phải chịu 9.421.062 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.225.000 đồng theo Biên lai thu số 0005562 ngày 20/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành án phí, chị Châu M phải nộp thêm 2.196.062 đồng. Bà Nguyễn Ngọc M được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng phí đã nộp theo Biên lai thu số 015408 ngày 19/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 09/01/2023, Ngân hàng TMCP Đ cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận việc tính lãi đến khi thi hành án xong và hủy hợp đồng thế chấp là không đúng pháp luật, gây thiệt hại đến quyền lợi của ngân hàng. Do vậy, Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ngân hàng.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 27/12/2022, chị Nguyễn Thị Châu M cho rằng bản án sơ thẩm đã không bảo vệ người thứ ba ngay tình. Chị Châu đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của chị chia thừa kế tài sản còn lại của ông H sau khi trừ số nợ ngân hàng vào giá trị tài sản thế chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Châu rút lại yêu cầu độc lập và yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn và phía ngân hàng đồng ý với việc rút yêu cầu của phía chị Mỹ. Phía ngân hàng giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của ngân hàng. Các bên không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Hoạt động tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, qua phân tích các tình tiết, sự kiện của vụ án, các quy định pháp luật liên quan, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ cho rằng bản án sơ thẩm đã giải quyết có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M rút yêu cầu độc lập nên đề nghị áp dụng Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy, các bên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thừa kế tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ người chết để lại. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp theo các quy định tại khoản 3 và khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại khoản 4 Điều 12 Luật đất đai quy định, nghiêm cấm người sử dụng đất không thực hiện đúng quy định của pháp luật khi thực hiện quyền của người sử dụng đất. Điều 188 của Luật đất đai quy định khi thực hiện việc chuyển nhượng thì người chuyển nhượng phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/3/2018 giữa bà M với ông H không phải do bà M ký chuyển nhượng (Theo kết luận giám định chữ ký). Bà M không ký chuyển nhượng tức là người ký thay bà M không có năng lực hành vi phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập (điểm a khoản 1 Điều 117 Bộ luật dân sự). Cũng từ hợp đồng này, ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

ngày 31/3/2018 giữa bà M với ông H là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật theo quy định tại Điều 123 của Bộ luật dân sự. Ông H được chỉnh lý đúng tên ngày 17/4/2018 là trái pháp luật. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu, giao trả quyền sử dụng đất cho bà M là đúng quy định tại Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Tại Biên bản công khai chứng cứ ngày 24/7/2020, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng không xác định được thửa 165 hay thửa 163 có tài sản gắn liền với đất hay không và yêu cầu Tòa án thẩm định và tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T thì thửa 165 là đất trống, không có tài sản gắn liền với đất. Từ đó cho thấy Ngân hàng không tiến hành xác minh làm rõ tài sản thế chấp có phải do ông H làm chủ sử dụng hay không. Do đó, trong trường hợp này bên nhận thế chấp (Ngân hàng) không phải là người thứ ba ngay tình trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Bộ luật dân sự năm 2015. Bản thân giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉnh lý sang tên cho ông H là trái pháp luật. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và ông H vô hiệu và xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu là đúng pháp luật.

[4] Do quyền sử dụng đất nêu trên không phải của ông H nên di sản thừa kế do ông H để lại cho đến nay chỉ còn số tiền bảo hiểm 208.842.500đồng. Căn cứ khoản 8 Điều 658 Bộ luật dân sự 2015, trước khi thực hiện việc phân chia di sản thừa kế thì phải tiến hành thanh toán khoản nợ do người chết để lại, trong trường hợp này, ông H có di sản nên phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản, do đó, Ngân hàng yêu cầu được nhận số tiền này để trừ vào nợ gốc là có căn cứ chấp nhận. Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ P có trách nhiệm chi trả số tiền này cho Ngân hàng. Khi thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng thì di sản của ông H để lại không còn nên Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của Nguyễn Thị Châu M là đúng pháp luật.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị Châu M rút yêu cầu kháng cáo cũng như rút yêu cầu độc lập, xin nhận lại tiền tạm ứng án phí. Theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật tố tụng dân sự thì trong trường hợp này, Tòa án đình chỉ đối với yêu cầu của bà M, bà M vẫn phải chịu án phí sơ thẩm và chịu một nửa án phí phúc thẩm.

[6] Từ những nhận định trên, cho thấy yêu cầu kháng của phía ngân hàng là không cơ sở chấp nhận. Yêu cầu nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm của bà M cũng không được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự thì phía ngân hàng phải chịu 300.000 đồng, bà M chịu 150.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 202, Điều 299 khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Đình chỉ yêu cầu độc lập và hủy phần bản án giải quyết yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Châu M về việc yêu cầu nhận tiền bảo hiểm, chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn H để lại.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn:

2.1. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Ngọc M và ông Nguyễn Văn H do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ chứng thực số 106, quyền số 01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 31/3/2018.

2.2. Hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 442/2018/HĐBĐ/PVB-PGDTLI ngày 14/9/2018 giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Nguyễn Văn H được công chứng số 1386, quyền số 02/2018/TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày.

2.3. Hủy xác nhận “Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1974, CMND số: 361653268, địa chỉ thường trú: ấp Đ, xã Đ, huyện T, TP Cần Thơ; theo hồ sơ số 00136.CN.002” ngày 17/4/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T tại trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02004, số phát hành BX918166 do UBND huyện T cấp ngày 07/4/2015 tại thửa 165, diện tích 280m², loại đất ONT, tờ bản đồ số 07, tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Đương sự được quyền đăng ký biến động đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Đ: Buộc Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ P chi trả quyền lợi bảo hiểm của ông Nguyễn Văn H (theo Hợp đồng bảo hiểm số 74245199 ngày 17/9/2018) với số tiền 208.842.500đồng (Hai trăm lẻ tám triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng) cho bên nhận là Ngân hàng TMCP Đ để thực hiện nghĩa vụ tài sản ông Nguyễn Văn H để lại theo Hợp đồng tín dụng số 442/2018/HĐHM/PVB-PGDTLI ngày 13/9/2018.

4. Về chi phí tố tụng:

Ngân hàng TMCP Đ hoàn trả cho nguyên đơn 3.000.000 đồng.

Bà Phạm Thị H hoàn trả cho nguyên đơn 3.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Châu M hoàn trả cho nguyên đơn 3.000.000 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị H được miễn nộp.

Ngân hàng TMCP Đ phải chịu 10.151.235đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.650.000đồng theo Biên lai thu số 015648 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành án phí, Ngân hàng TMCP Đ phải nộp thêm 501.235đồng.

Chị Nguyễn Thị Châu M phải chịu 9.421.062đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.225.000đồng theo Biên lai thu số 0005562 ngày 20/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành án phí, chị Mỹ phải nộp thêm 2.196.062đồng.

Bà Nguyễn Ngọc M được nhận lại 300.000đồng tiền tạm ứng phí đã nộp theo Biên lai thu số 015408 ngày 19/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ngân hàng TMCP Đ phải chịu 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005950 ngày 13/01/2023 thành án phí, coi như Ngân hàng TMCP Đ đã nộp xong.

Chị Nguyễn Thị Châu M phải chịu 150.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005954 ngày 17/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, chị Mỹ được nhận lại 150.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.